

Số: /2021/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO
Lần 3**

NGHỊ QUYẾT

Quy định về chính sách “Hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước”

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHOÁ ... KỲ HỌP THỨ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

- Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 2 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định tiêu chí kinh tế Trang trại;

Thực hiện Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030;

Thực hiện Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định Tiêu chí xác định Chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số .../BC-BKTNS của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

- Các trang trại hoạt động theo tiêu chí của Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 2 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định tiêu chí kinh tế Trang trại

- Các Hội quán được UBND cấp xã thành lập theo quy định

- Các hợp tác xã, các thành viên hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012

- Các doanh nghiệp có liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản.

3. Giải thích từ ngữ

a) Sản xuất nông nghiệp sạch là:

- Sản xuất cung ứng ra thị trường các sản phẩm có đủ điều kiện an toàn thực phẩm; áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận; đảm bảo thân thiện với môi trường, sức khỏe cộng đồng và được hiểu là các loại hình sản xuất như: sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap, VietHGap, hữu cơ... ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, tuần hoàn, sinh thái, số hóa.

- Sử dụng giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học đối với trồng trọt; giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y chăn nuôi, thủy sản được cấp có thẩm quyền cho phép, áp dụng theo quy định.

b) Thành viên được hiểu là thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

c) Hội quán: Là một tổ chức do những người nông dân có cùng sở thích vận động thành lập để cùng nhau trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, tìm kiếm thị trường trên cơ sở tự nguyện và tự chịu trách nhiệm.

d) Trang trại: là các trang trại hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, tổng hợp được thành lập theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 2 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định tiêu chí kinh tế Trang trại

Điều 2. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã hỗ trợ các dự án thuộc nhiệm vụ chi của địa phương và do Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt theo quy định.

b) Đối với dự án có sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại, nguồn vốn xã hội hóa, nguồn khác áp dụng theo nội dung, mức hỗ trợ của nhà tài trợ quy định tại thỏa thuận tài trợ hoặc áp dụng theo mức hỗ trợ do đại diện nhà tài trợ, Bộ Tài chính và cơ quan chủ quản dự án thống nhất; trường hợp đại diện nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về mức hỗ trợ thì áp dụng theo mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

2. Nội dung và định mức hỗ trợ

a) Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cho các trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất nông nghiệp sạch.

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập cho các đối tượng sản xuất nông nghiệp sạch của tỉnh.

b) Xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp sạch

Nhà nước hỗ trợ tối đa một lần bằng 100% chi phí để điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí, mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói cho các diện tích canh tác sản xuất nông nghiệp sạch, kinh phí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận về nông nghiệp sạch.

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí một lần (cấp lần đầu hoặc cấp lại) giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương như: Vietgap, Globalgap, hữu cơ, thương mại công bằng, nông nghiệp sinh thái, sản xuất an toàn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao... các trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất nông nghiệp sạch, kinh phí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng để xây dựng quản lý, quy trình sản xuất, thiết kế, sử dụng mã vùng trồng, tiêu chuẩn chất lượng; thiết kế bao bì, nhãn mác, quy trình đăng ký mã vùng trồng, mã vạch, mua, bán vật tư nông nghiệp, thương mại, thương mại điện tử, đàm phán, thị trường, ứng dụng công nghệ thông tin,... cho sản xuất nông nghiệp sạch, kinh phí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Hỗ trợ bao bì, nhãn mác sản phẩm

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí một chu kỳ sản xuất gồm: thiết kế, mua tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác cho sản xuất nông nghiệp sạch.

e) Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu và hỗ trợ tham gia xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch điện tử cho sản xuất nông nghiệp sạch.

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu (một lần) đối với địa bàn cấp xã, thôn, ấp khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và 50% đối với địa bàn các xã còn lại.

Nhà nước hỗ trợ tối đa 50% chi phí hỗ trợ tham gia xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch điện tử.

3. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

b) Từ Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình, dự án khác từ trung ương.

c) Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

d) Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các nội dung khác không quy định trong Nghị quyết này thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan được tỉnh, trung ương quy định.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Khóa ..., Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và có hiệu lực từ ngày... tháng ... năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Các bộ: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các ban và VP. Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP.Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH, Báo BP, TT Thông tin;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH